

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thiện Bửu;
- Ông Trương Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 1990, ông và bà Lê Thị H được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Diễm H2, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Vào năm 1990, bà và ông Nguyễn Văn T được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông T.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Diễm H2, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị H.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị H là hôn nhân không hợp pháp vì ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.”

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị H nhưng do ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị H không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị H là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Diễm H2, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị H.

2/ Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Diễm H2, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05135

ngày 08/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo